

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: MLS
- Địa chỉ: xóm Vĩnh Cát, xã Toàn Lưu, tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại liên hệ: 02392 228 421
- Website: channuoimitraco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán.

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2025):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2025):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2026 tại đường dẫn: www.channuomitraco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán;
- Văn bản giải trình biến động lợi nhuận;

CÔNG TY CP CHĂN NUÔI – MITRACO
NGƯỜI ĐƯỢC UQC BTT



Nguyễn Văn Hòa



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHĂN NUÔI – MITRACO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 18 /CV-MLS

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi
nhuận sau thuế năm 2025 có sự
thay đổi 10% trở lên so với
năm trước

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI – MITRACO (MLS)**

Trụ sở chính: xóm Vĩnh Cát, xã Toàn Lưu, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02392 228 421

Điện thoại: 0919 748 389

Website: channuomitraco.com.vn

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Công ty cổ phần chăn nuôi
- Mitraco (mã chứng khoán MLS) xin giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế
TNDN thay đổi 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Như sau:

TT	Diễn giải	Đvt	Số liệu		So sánh
			Năm 2024	Năm 2025	
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	30.104.097.248	35.165.301.160	116,8 %

Nguyên nhân:

- *Thứ nhất:* Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều thuận lợi khi giá bán lợn thương phẩm (sản phẩm chiếm 70% doanh thu của Công ty) bình quân đạt 61.000 đ/kg vượt 1,5% so với cùng kỳ năm 2024;

- *Thứ hai:* Trong năm công ty điều chỉnh quy trình chăn nuôi lợn thương phẩm, từ quy trình cũ là 23 tuần tuổi xuất bán thì nay điều chỉnh lên 24 tuần tuổi xuất bán nhằm đáp ứng phù hợp với thị hiếu của khách hàng. Việc điều chỉnh này đã làm tăng trọng



lượng bình quân lợn thương phẩm xuất bán lên 108,9 kg/con tăng 6,8% so với cùng kỳ 2024 và đồng thời làm giảm giá thành sản xuất xuống.

- *Thứ ba*: Công ty tăng cường sản xuất và xuất bán ra thị trường thêm hai sản phẩm là lợn giống hậu bị, lợn giống thương phẩm đã được thị trường đánh giá cao.

- *Thứ tư*: Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đảm bảo được an toàn đàn lợn trước tình hình áp lực dịch bệnh cao nên sản lượng xuất bán đạt kế hoạch SXKD đề ra.

Với những nguyên nhân nêu trên nên năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, lợi nhuận sau thuế đạt 35.165.301.160 đồng, vượt 16,8% cùng kỳ năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần chăn nuôi - Mitraco, vào ngày 20/03/2026 tại đường dẫn: channuomitraco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP CHĂN NUÔI – MITRACO
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



Nguyễn Văn Hòa



CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

Tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Văn Lưu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025
Ông Nguyễn Hồng Hợp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025
Ông Hồ Sỹ Huy Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025
Ông Hồ Văn Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025
Ông Phạm Hồng Tài	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025

Ban Kiểm soát

Ông Phùng Văn Tân	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025
Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025
Bà Võ Thị Hoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2025

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Huy Thảo	Giám đốc
Ông Hồ Văn Hưng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Huy Thảo
Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Số: 198/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Minh Đức

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Trần Thanh Tùng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.412.997.814	113.706.482.076
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.753.324.993	16.884.200.579
Tiền	111		4.753.324.993	16.884.200.579
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.567.286.300	14.638.467.777
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.125.859.169	4.499.887.618
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.030.000.438	1.224.403.913
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	807.188.259	10.305.422.226
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.395.761.566)	(1.391.245.980)
Hàng tồn kho	140		96.430.721.144	81.737.071.541
Hàng tồn kho	141	9	96.430.721.144	81.737.071.541
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.661.665.377	446.742.179
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.657.657.578	446.382.533
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	4.007.799	359.646
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.451.501.105	23.361.233.580
Các khoản phải thu dài hạn	210		187.500.000	375.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	187.500.000	375.000.000
Tài sản cố định	220		11.074.310.459	13.839.873.921
Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.074.310.459	13.839.873.921
- Nguyên giá	222		86.807.167.638	86.277.417.558
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.732.857.179)	(72.437.543.637)
Tài sản dở dang dài hạn	240		750.616.000	514.691.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	750.616.000	514.691.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.439.074.646	8.631.668.659
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.439.074.646	8.631.668.659
TỔNG TÀI SẢN	270		140.864.498.919	137.067.715.656

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		63.678.439.404	95.046.957.301
Nợ ngắn hạn	310		63.678.439.404	95.046.957.301
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	43.368.796.310	49.028.841.613
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.515.968	4.602.964
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.845.295.615	12.337.500
Phải trả người lao động	314		7.271.503.068	3.775.155.598
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.027.382.082	1.194.315.191
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.007.702.765	5.456.141.906
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	3.000.000.000	34.141.317.933
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		123.243.596	1.434.244.596
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.186.059.515	42.020.758.355
Vốn chủ sở hữu	410	18	77.186.059.515	42.020.758.355
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		978.000.000	978.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		25.309.822.914	25.309.822.914
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.898.236.601	(24.267.064.559)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(24.267.064.559)	(54.371.161.807)
- LNST chưa phân phối năm này	421b		35.165.301.160	30.104.097.248
TỔNG NGUỒN VỐN	440		140.864.498.919	137.067.715.656

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoà

Nguyễn Văn Hoà



Hồ Sỹ Huy Thảo

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	422.346.636.370	390.737.759.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		422.346.636.370	390.737.759.000
Giá vốn hàng bán	11	20	373.858.456.073	349.900.610.891
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.488.180.297	40.837.148.109
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	185.969.993	15.254.443
Chi phí tài chính	22	22	482.082.006	2.306.983.601
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		482.082.006	2.306.983.601
Chi phí bán hàng	25	25	2.602.088.740	2.466.077.240
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	9.014.771.884	6.278.938.119
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.575.207.660	29.800.403.592
Thu nhập khác	31	23	418.597.000	405.012.000
Chi phí khác	32	24	6.541.220	101.318.344
Lợi nhuận khác	40		412.055.780	303.693.656
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.987.263.440	30.104.097.248
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.821.962.280	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.165.301.160	30.104.097.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	8.791	7.526
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	8.791	7.526

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hoà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoà



Hồ Sỹ Huy Thảo

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	421.121.719.141	390.480.255.769
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(365.779.352.143)	(346.682.920.087)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.440.343.530)	(15.779.464.000)
Tiền lãi vay đã trả	04	(482.082.006)	(2.383.814.967)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.847.720.150	607.563.705
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.481.997.520)	(3.678.940.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.785.664.092	22.562.679.943
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.191.528.738)	(443.252.900)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	230.337.000	405.012.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	185.969.993	15.254.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.775.221.745)	(22.986.457)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	24.033.590.885	111.488.537.918
Tiền trả nợ gốc vay	34	(55.174.908.818)	(117.445.824.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.141.317.933)	(5.957.286.126)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(12.130.875.586)	16.582.407.360
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.884.200.579	301.793.219
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.753.324.993	16.884.200.579

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hoà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoà

Giám đốc



Hồ Sỹ Huy Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty con thuộc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, được thành lập theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 16/06/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001065982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 07/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại xóm Vĩnh Cát, xã Toàn Lưu, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của công ty theo đăng ký là 40.000.000.000 đồng, vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 40.000.000.000 đồng; tương đương 4.000.000 cổ phần, hiện đang giao dịch trên sàn UPCoM, mã cổ phiếu: MLS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 137 người (tại ngày 01/01/2025 là 126 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty

- Chăn nuôi lợn siêu nạc;
- Sản xuất kinh doanh lợn thương phẩm, lợn giống các cấp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong niên độ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất theo vòng đời sinh học của lợn.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Súc vật làm việc và cho sản phẩm	02

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, lợn giống bố mẹ, chi phí thuê chuồng trại, công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong năm, gồm: Chi phí lãi vay ngân hàng.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chính sách ưu đãi thuế

Theo Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 19 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	456.502.000	392.717.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.296.822.993	16.491.483.579
Cộng	4.753.324.993	16.884.200.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.125.859.169	(961.363.979)	4.499.887.618	(956.848.979)
- Ông Hồ Văn Lương	1.369.124.000	-	1.907.065.160	-
- Bà Nguyễn Thị Nhi	850.486.780	-	1.489.708.280	-
- Phan Xuân Tùng	427.052.006	-	-	-
- Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco	386.984.500	(386.984.500)	386.984.500	(386.984.500)
- Ông Trần Văn Dương	187.637.703	-	58.004.700	-
- Hộ kinh doanh Phạm Thị Lý	249.220.001	-	-	-
- Các khách hàng khác	655.354.179	(574.379.479)	658.124.978	(569.864.479)
Cộng	4.125.859.169	(961.363.979)	4.499.887.618	(956.848.979)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29)</i>	386.984.500	(386.984.500)	386.984.500	(386.984.500)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.030.000.438	(59.000.000)	1.224.403.913	(79.000.000)
- Lê Văn Hoa	200.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Môi trường Hà Tĩnh	1.133.940.176	-	-	-
- Núi Cẩm Lạc (Anh Thuận)	629.854.000	-	236.217.000	-
- Ông Phạm Văn Sơn	120.000.000	-	170.000.000	-
- Ông Võ Hữu Sinh	100.000.000	-	200.000.000	-
- Võ Hữu Khoa	300.000.000	-	50.000.000	-
- Các đối tượng khác	546.206.262	(59.000.000)	568.186.913	(79.000.000)
Cộng	3.030.000.438	(59.000.000)	1.224.403.913	(79.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	807.188.259	(375.397.000)	10.305.422.226	(375.397.000)
- Tạm ứng chi phí hoạt động	262.572.059	-	117.000.000	-
- Tiền tạm ứng chi phí gia công chăn nuôi	358.568.000	(358.568.000)	358.568.000	(358.568.000)
- Tạm ứng chi phí sản xuất	169.219.200	-	-	-
- Phải thu chiết khấu mua hàng năm 2024	-	-	9.813.025.226	-
- Các khoản phải thu khác	16.829.000	(16.829.000)	16.829.000	(16.829.000)
Dài hạn	187.500.000	-	375.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược (*)	187.500.000	-	375.000.000	-
Cộng	994.688.259	(375.397.000)	10.680.422.226	(375.397.000)

(*) Khoản ký quỹ thực hiện theo "Thỏa thuận ký thực hiện dự án đầu tư" số 25/2024/TTKQ - Dự án trang trại nuôi lợn siêu nạc của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco.

8. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	386.984.500	-	(386.984.500)	386.984.500	-	(386.984.500)
- Công ty TNHH Khánh Giang	174.508.000	-	(174.508.000)	174.508.000	-	(174.508.000)
- Ông Trần Hậu Ngân	176.552.468	-	(176.552.468)	176.552.468	-	(176.552.468)
- Các đối tượng khác	662.232.183	4.515.585	(657.716.598)	677.716.598	24.515.586	(653.201.012)
Cộng	1.400.277.151	4.515.585	(1.395.761.566)	1.415.761.566	24.515.586	(1.391.245.980)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	9.504.449.925	-	8.582.301.190	-
- Công cụ, dụng cụ	179.974.477	-	34.456.432	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	86.746.296.742	-	73.120.313.919	-
Cộng	96.430.721.144	-	81.737.071.541	-

(*) Là sản phẩm lợn các giai đoạn như: lợn con theo mẹ 21 ngày tuổi; lợn giống 63 ngày tuổi; lợn giống hậu bị và lợn thịt thương phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	75.836.912.456	6.596.473.240	2.903.702.391	341.729.471	598.600.000	86.277.417.558
- Tăng trong năm	632.833.200	112.985.880	167.531.000	-	-	913.350.080
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(383.600.000)	(383.600.000)
31/12/2025	<u>76.469.745.656</u>	<u>6.709.459.120</u>	<u>3.071.233.391</u>	<u>341.729.471</u>	<u>215.000.000</u>	<u>86.807.167.638</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(64.686.982.697)	(5.344.206.098)	(1.494.574.848)	(341.729.471)	(570.050.523)	(72.437.543.637)
- Khấu hao trong năm	(3.033.682.992)	(393.956.998)	(222.724.075)	-	(28.549.477)	(3.678.913.542)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	383.600.000	383.600.000
31/12/2025	<u>(67.720.665.689)</u>	<u>(5.738.163.096)</u>	<u>(1.717.298.923)</u>	<u>(341.729.471)</u>	<u>(215.000.000)</u>	<u>(75.732.857.179)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	<u>11.149.929.759</u>	<u>1.252.267.142</u>	<u>1.409.127.543</u>	-	<u>28.549.477</u>	<u>13.839.873.921</u>
31/12/2025	<u>8.749.079.967</u>	<u>971.296.024</u>	<u>1.353.934.468</u>	-	-	<u>11.074.310.459</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 số tiền là 0 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là 13.834.783.989 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 số tiền là 60.463.500.882 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là 24.667.789.282 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	750.616.000	514.691.000
- Dự án trang trại chăn nuôi lợn siêu nạc (*)	750.616.000	514.691.000
Cộng	750.616.000	514.691.000

(*) Xây dựng "Trang trại chăn nuôi lợn siêu nạc" theo quyết định số 29/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án "Trang trại chăn nuôi lợn siêu nạc" ngày 07/06/2023.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.657.657.578	446.382.533
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	212.170.823	5.500.001
- Chi phí thuê chuồng trại	1.371.874.884	269.335.220
- Chi phí sửa chữa	73.611.871	171.547.312
Dài hạn	9.439.074.646	8.631.668.659
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	124.586.629	444.435.382
- Lợn nái, lợn giống	116.302.492	459.302.096
- Chi phí thuê chuồng, trại, đất	4.337.127.443	2.227.134.007
- Chi phí giải phóng mặt bằng	1.821.485.387	1.869.843.407
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.006.287.291	3.625.968.735
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	33.285.404	4.985.032
Cộng	11.096.732.224	9.078.051.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	43.368.796.310	43.368.796.310	49.028.841.613	49.028.841.613
- Chi nhánh Công ty TNHH Deheus tại Vĩnh Phúc	8.258.184.350	8.258.184.350	19.261.217.550	19.261.217.550
- Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà	12.424.480.875	12.424.480.875	14.124.975.977	14.124.975.977
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	6.497.543.528	6.497.543.528	4.502.012.128	4.502.012.128
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	257.250.000	257.250.000	120.000.000	120.000.000
- Đại lý thuốc thú y Hùng Nga	2.341.223.394	2.341.223.394	-	-
- Các nhà cung cấp khác	13.590.114.163	13.590.114.163	11.020.635.958	11.020.635.958
Cộng	43.368.796.310	43.368.796.310	49.028.841.613	49.028.841.613
Phải trả người bán là các bên liên quan	6.754.793.528	6.754.793.528	4.622.012.128	4.622.012.128

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
	Thuế và các khoản phải nộp			
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	12.337.500	24.529.842	13.534.007	23.333.335
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.821.962.280	-	1.821.962.280
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	51.377.311	51.377.311	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	12.337.500	1.901.869.433	68.911.318	1.845.295.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nhận/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	359.646	55.833.534	59.481.687	4.007.799
	359.646	55.833.534	59.481.687	4.007.799

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	24.033.590.885	55.174.908.818	34.141.317.933	34.141.317.933
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh (*)	3.000.000.000	3.000.000.000	24.033.590.885	50.074.908.818	29.041.317.933	29.041.317.933
- Ông Ngô Đức Nam	-	-	-	900.000.000	900.000.000	900.000.000
- Ông Nguyễn Quang Hưng	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Bà Trương Thị Hương Trâm	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ông Trần Văn Phong	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Ông Trần Văn Quý	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Khánh Chi	-	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	24.033.590.885	55.174.908.818	34.141.317.933	34.141.317.933

(*) Hợp đồng tín dụng số 27/25/NH/KHDN giữa Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh
Hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng, số dư nợ vay tại 31/12/2025 là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 05 tháng, lãi suất: 5,8%.

Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh.

Hình thức bảo đảm: Khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.027.382.082	1.194.315.191
- Chi phí lãi vay	3.178.082	51.676.191
- Trích trước chi phí gia công lợn	1.024.204.000	1.142.639.000
Cộng	1.027.382.082	1.194.315.191

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	7.007.702.765	5.456.141.906
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	396.000.000	384.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.000.000.000	4.000.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.611.702.765	1.071.741.906
Cộng	7.007.702.765	5.456.141.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	(54.371.161.807)	11.916.661.107
- Lãi trong năm trước	-	-	-	30.104.097.248	30.104.097.248
31/12/2024	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	(24.267.064.559)	42.020.758.355
01/01/2025	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	(24.267.064.559)	42.020.758.355
- Lãi trong năm nay	-	-	-	35.165.301.160	35.165.301.160
31/12/2025	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	10.898.236.601	77.186.059.515

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Xóm Vĩnh Cát, xã Toàn Lưu, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****18.1 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	20.510.000.000	20.510.000.000
- Các cổ đông khác	19.490.000.000	19.490.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000

18.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

18.4 CÁC QUỸ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	25.309.822.914	25.309.822.914
Cộng	25.309.822.914	25.309.822.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu	422.346.636.370	390.737.759.000
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	422.346.636.370	390.737.759.000
Cộng	422.346.636.370	390.737.759.000
Doanh thu với các bên liên quan: <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29)</i>	1.895.451.000	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	373.858.456.073	349.900.610.891
Cộng	373.858.456.073	349.900.610.891

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi	185.969.993	15.254.443
Cộng	185.969.993	15.254.443

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền vay	482.082.006	2.306.983.601
Cộng	482.082.006	2.306.983.601

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu từ hàng tặng kèm	188.260.000	-
- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	230.337.000	405.012.000
Cộng	418.597.000	405.012.000

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	82.343.857
- Các khoản phạt	6.541.220	18.974.487
Cộng	6.541.220	101.318.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	9.014.771.884	6.278.938.119
- Chi phí nhân viên quản lý	3.911.482.810	2.624.361.700
- Chi phí vật liệu quản lý	206.873.276	220.335.991
- Thuế, phí và lệ phí	368.081.856	238.596.029
- Chi phí dự phòng	4.515.586	(9.045.414)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.259.846.930	873.207.019
- Chi phí bằng tiền khác	3.263.971.426	2.331.482.794
Các khoản chi phí bán hàng	2.602.088.740	2.466.077.240
- Chi phí nhân công	954.969.700	652.735.560
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.768.340	1.150.265.920
- Chi phí bằng tiền khác	807.350.700	663.075.760
Cộng	11.616.860.624	8.745.015.359

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.987.263.440	30.104.097.248
Các khoản điều chỉnh tăng	265.618.000	501.299.328
- Chi phí phạt hành chính thuế	-	18.973.328
- Thủ lao HĐQT và BKS không chuyên trách	120.000.000	-
- Chi phí không hợp lý khác	145.618.000	284.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	2.877.184.913	-
- Chi phí lãi vay không được trừ	2.877.184.913	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	34.375.696.527	30.605.396.576
<i>Lỗi năm trước chuyển sang</i>	<i>(16.156.073.725)</i>	<i>(30.605.396.576)</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	18.219.622.802	-
Thu nhập được hưởng ưu đãi	18.219.622.802	-
Thu nhập không được hưởng ưu đãi	-	-
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.821.962.280	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.821.962.280	-

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	314.779.655.687	302.410.810.982
- Chi phí nhân công	20.995.780.135	21.277.781.416
- Khấu hao tài sản cố định	3.678.913.542	7.068.694.040
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.714.664.589	26.078.328.483
- Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	4.515.586	(9.045.414)
- Chi phí bằng tiền khác	4.465.983.186	3.453.982.583
Cộng	373.639.512.725	360.280.552.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế	35.165.301.160	30.104.097.248
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	35.165.301.160	30.104.097.248
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	8.791	7.526

29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	Công ty con của Công ty mẹ
3	Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	Công ty con của Công ty mẹ
5	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và số dư tại ngày 31/12/2025 với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.895.451.000	683.088.000
- Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	1.895.451.000	683.088.000
Mua hàng hóa dịch vụ	71.943.270.400	29.794.009.575
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	369.250.000	562.000.000
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	71.574.020.400	29.232.009.575
Trả nợ gốc vay	-	5.000.000.000
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	-	5.000.000.000
Lãi tiền vay	-	197.719.444
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	-	197.719.444

Số dư với bên liên quan:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	386.984.500	386.984.500
- Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	386.984.500	386.984.500
Phải trả cho người bán ngắn hạn	6.754.793.528	4.622.012.128
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thiên Lộc	6.497.543.528	4.502.012.128
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	257.250.000	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
- Ông Võ Văn Lưu	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
- Ông Nguyễn Hồng Hợp	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Ông Phạm Hồng Tài	Thành viên HĐQT	48.000.000	32.000.000
- Ông Hồ Sỹ Huy Thảo	Giám đốc/ Thành viên HĐQT	300.761.000	285.237.000
- Ông Hồ Văn Hưng	Phó Giám đốc/ Thành viên HĐQT	291.651.000	256.469.000
- Ông Phùng Văn Tân	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
- Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên BKS	277.247.000	197.324.000
- Bà Võ Thị Hoa	Thành viên BKS	30.000.000	34.400.000
		1.115.659.000	973.430.000

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hoà

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoà

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2026



Giám đốc

Hồ Sỹ Huy Thảo

